

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **84/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 28-12-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Văn Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1978; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1973; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp NP, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

Chị và anh V tự nguyện chung sống vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN ngày 26-7-1996. Hai bên chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh V không tin tưởng chị thường xuyên nghi ngờ chị có mối quan hệ khác trong khi chị chỉ ở nhà nuôi heo không thường xuyên ra bên ngoài. Tình trạng ngày càng trầm trọng, vào ngày 22-02-2023 âm lịch anh V đi nhậu về gây gỗ, đuổi chị ra khỏi nhà, đồng thời còn dọa tạt axit. Chị sợ nên về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Trong thời gian không sống chung cho đến nay, hai bên đều không có ý hàn gắn do đã hết tình cảm.

Trước đây, vào khoảng 3/2023 chị đã nộp đơn ly hôn, lúc đó anh V thừa nhận có mâu thuẫn như chị khai. Do anh V hứa sửa đổi, nên chị rút đơn kiện để cho nhau cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó tình trạng hai bên không có gì thay đổi, không về chung sống vì thực tế hai bên không còn tình cảm.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung:

Nguyễn Thị TT, sinh năm 1997;

Nguyễn MC, sinh năm 2001.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh V không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh V. Con chung: Đã trưởng thành, không đưa ra giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đưa ra giải quyết. Chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H, anh V đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh V theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN ngày 26-7-1996. Quá trình hai bên chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên ngày 22-02-2023 âm lịch anh V đã đuổi chị H ra khỏi nhà,

hai bên không còn chung sống cho đến nay.

Vào tháng 3/2023 chị H đã nộp đơn ly hôn. Anh V hứa sửa đổi nên hai bên đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó tình trạng không có cải thiện, hai bên vẫn không về chung sống cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án này, anh V không có thiện chí tham gia tố tụng để tìm cách hàn gắn tình cảm với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: có 02 (hai) con chung:

Nguyễn Thị TT, sinh năm 1997;

Nguyễn MC, sinh năm 2001.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim H đối với anh Nguyễn Văn V.

1.1. Chị Lê Thị Kim H, anh Nguyễn Văn V chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung:

Nguyễn Thị TT, sinh năm 1997.

Nguyễn MC, sinh năm 2001.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013969 ngày 09-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Nguyễn Văn V không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- UBND xã nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HẠ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà